TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-3-2022
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Đặng Công Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Ngọc L; sinh năm 1989; cư trú tại: đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyen T; sinh năm 1986; cư trú tại: Ca-na-đa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc L, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyen T gặp nhau tại Đà Nẵng khi ông T đến đây du lịch; sau thời gian tìm hiểu thì ông, bà đã tự nguyện kết hôn và được Ủy

ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08-6-2010. Sau khi kết hôn thì ông T trở về Ca-na-đa và đến năm 2013 thì ông Thạch không còn liên lạc với bà nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

- Về con chung, tài sản chung; nợ chung: Bà và ông Nguyen T không có con chung, tài sản chung, cũng như nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyen T không gửi văn bản phản hồi cho Tòa án, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Ngọc L đối với ông Nguyen T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc L là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Nguyen T; cư trú tại địa chỉ: Ca-na-đa, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự..

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn ông Nguyen T bằng đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp. Cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Ca-na-đa cấp tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hồ Thị Ngọc L đối với ông Nguyen T và yêu cầu ông T gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đến ngày 08-02-2022, Tòa án nhận được văn bản thông báo của Bộ Tư pháp về nội dung Cơ quan Trung ương liên bang của Ca-na-đa cho biết Cơ quan Trung ương bang Ontario đang nỗ lực thực hiện các yêu cầu ủy thác tư pháp tồn đọng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và sẽ trả kết quả ngay khi có thể. Sau đó, bà L đã yêu cầu và được Tòa án Thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài là Ban đối ngoại (VOV5), Đài tiếng nói Việt Nam về thời gian, địa điểm mở phiên tòa xét xử vụ án xin ly hôn của bà L đối với ông T, theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyen T theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự nói trên.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Nguyen T của bà Hồ Thị Ngọc L thì thấy, từ năm 2013 đến nay ông T còn liên lạc với bà L nữa, do đó hôn nhân của ông, bà là không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn ông T của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Bà Hồ Thị Ngọc L và ông Nguyen T không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Hồ Thị Ngọc L phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà Hồ Thị Ngọc L phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 153, Điều 464, Điều 469, khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 5

Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Ngọc L đối với ông Nguyen T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Ngọc L được ly hôn với ông Nguyen T.

2. Về án phí dân sự: Bà Hồ Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002852 ngày 05-4-2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Hồ Thị Ngọc L phải chịu 200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai số 0002866 ngày 19-4-2021, của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà L đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn ông Nguyen T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam